

Bản án số: 183/2026/DS-PT
Ngày 29-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân

Bà Đoàn Thị Hương Nhu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 05 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 23 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 151/2026/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Đắc Q, sinh năm 1973; Số CCCD: 031073002134; địa chỉ: Thôn K, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Đoàn Đắc Q1, sinh năm 1983; Số CCCD: 031083006403; địa chỉ: Thôn K, xã K, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đoàn Đăng Q2: Ông Nguyễn Hùng C, Luật sư Công ty L1 - Đoàn luật sư thành phố H; có mặt;

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Số CCCD: 031184007775; địa chỉ: Thôn K, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1982; Số CCCD: 042182000250; địa chỉ: Thôn K, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Đoàn Đắc Q1, sinh năm 1983; Số CCCD: 031083006403; địa chỉ: Thôn K, xã K, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 11/9/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn là ông Đoàn Đắc Q trình bày:

Ông và vợ là bà Lê Thị L bán nhà đất tại thôn K, xã K, thành phố Hải Phòng được 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng. Anh Đoàn Đắc Q1 là cháu ruột của ông có vay của ông số tiền cụ thể như sau: Ngày 01/4/2025, anh Q1 vay của ông số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; ngày 10/4/2025, anh Q1 vay của ông số tiền là 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng; ngày 15/4/2025, anh Q1 trả cho ông số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng; ngày 15/5/2025, anh Q1 vay của ông số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Như vậy, tổng số tiền anh Q1 còn nợ ông từ ngày 01/4/2025 đến ngày 15/5/2025 là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. Ngày 09/6/2025, anh Q1 có vay của ông số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Trước khi vay, anh Q1 hứa ngày 12/6/2025 sẽ trả cho ông số tiền vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng nêu trên. Anh Q1 còn nói sẽ dùng thửa đất số 03, tờ bản đồ số mảnh trích đo địa chính số 14-2022, diện tích 296,3m², địa chỉ tại thôn K, xã K, thành phố Hải Phòng để thế chấp ngân hàng lấy tiền trả cho ông. Mục đích anh Q1 vay của ông số tiền trên là để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh Q1 đang được cầm cố bên ngoài với lãi suất cao. Đến hạn trả nợ ngày 12/6/2025, anh Q1 không trả cho ông số tiền vay nợ 1.000.000.000 (một tỷ) đồng như đã hứa hẹn. Mãi đến ngày 23/6/2025, anh Q1 mới trả cho ông số tiền là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh Q1 vay của ông là 1.380.000.000 (một tỷ ba trăm tám mươi triệu) đồng. Anh Q1 đã trả cho ông số tiền là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Anh Q1 còn nợ ông số tiền là 930.000.000 (chín trăm ba mươi triệu) đồng. Toàn bộ số tiền ông cho anh Q1 vay được ông chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho anh Q1. Toàn bộ số tiền anh Q1 trả cũng chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho ông. Khi ông cho anh Q1 vay toàn bộ số tiền trên, các bên không thiết lập bằng văn bản chỉ trao đổi bằng lời nói với nhau vì là chỗ quan hệ họ hàng chú cháu và không thoả thuận về việc tính lãi suất trên số tiền vay. Ông là em ruột của bố đẻ anh Q1. Vợ anh Q1 không biết việc anh Q1 vay tiền của ông và ông cũng không nói cho vợ anh Q1 biết việc anh Q1 vay ông toàn bộ số tiền trên. Vợ ông là bà L cũng không biết việc ông cho anh Q1 vay toàn bộ số tiền trên. Ông không nói cho bà L biết việc ông cho anh Q1 vay tiền. Ông nhiều lần yêu cầu anh Q1 chuyển trả lại ông số tiền còn nợ 930.000.000 (chín trăm ba mươi triệu) đồng nhưng

đến nay anh Q1 vẫn chưa trả cho ông. Vì vậy, ông làm đơn yêu cầu Tòa án buộc anh Q1 phải trả cho ông số tiền còn nợ là 930.000.000 (*chín trăm ba mươi triệu*) đồng và số tiền lãi tính đến ngày 24/10/2025 là 31.000.000 (*ba mươi mốt triệu*) đồng, tổng cộng là 961.000.000 (*chín trăm sáu mươi mốt triệu*) đồng.

Tại phiên toà, ông không muốn tình cảm chú cháu trong gia đình thêm căng thẳng, đề nghị xin rút yêu cầu buộc anh Q1 phải trả số tiền lãi cho ông. Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh Q1 phải trả cho ông toàn bộ số tiền vay nợ gốc là 930.000.000 (*chín trăm ba mươi triệu*) đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn là ông Đoàn Đắc Q1 trình bày:

Ông Đoàn Đắc Q là chú ruột của ông. Ông Q có rủ ông đầu tư chung trên sàn giao dịch điện tử F. Khi ông nói không biết thì ông Q đã hướng dẫn ông cùng đầu tư. Ông đã bỏ ra số tiền khoảng hơn 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng để đầu tư. Ông Q và ông cùng sử dụng số tiền trên để đầu tư trên sàn F1. Tài khoản trên sàn giao dịch đứng tên ông nhưng được cài đặt trên cả máy tính và điện thoại, trên điện thoại thì ông quản lý còn trên máy tính thì ông Q quản lý. Sau khi đầu tư thua lỗ hết hơn một tỷ đồng của ông, ngày 10 và 11/4/2025, ông Q chuyển khoản cho ông số tiền 230.000.000 (*hai trăm ba mươi triệu*) đồng để tiếp tục đầu tư chung và cũng thua lỗ hết. Ông có nói với ông Q là toàn bộ tiền ông có đã đầu tư hết thì ông Q có nói là mượn sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của vợ chồng ông để mang cầm cố cho ông Đỗ Duy T1 để vay số tiền 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng, tiền lãi thì các bên thỏa thuận ngoài với nhau là 2.000 đồng/triệu/ngày. Khi ông nói là lãi như vậy là quá cao thì ông Q nói sẽ chịu tiền lãi. Mặc dù, thỏa thuận cầm cố để vay tiền nhưng trên thực tế vợ chồng ông và ông T1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất của vợ chồng ông với giá là 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng. Ông Q là người giới thiệu với ông T1 rồi bảo vợ chồng ông đến gặp làm thủ tục vay tiền của ông T1. Sau đó, ngày 15/4/2025, ông T1 có chuyển cho ông số tiền vay là 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng vào tài khoản của ông tại Ngân hàng TMCP N. Ngày 15/4/2025, ông Q tạo lệnh để ông chuyển số tiền gần 800.000.000 (*tám trăm triệu*) đồng vào tài khoản để duy trì đầu tư chung (ông chuyển 02 lần mỗi lần 387.360.000 và chuyển 200.000.000 đồng cho ông Q để ông Q chuyển vào tài khoản riêng của ông Q.

Ngày 15/5/2025, ông Q chuyển cho ông số tiền 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng để trả tiền lãi cho ông T1. Cùng ngày 15/5/2025, ông đã chuyển khoản trả cho ông T1 số tiền là 45.000.000 (*bốn mươi lăm triệu*) đồng. Số tiền vay 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng từ ông T1, ông và ông Q đầu tư chung trên sàn giao dịch điện tử F đã thua lỗ hết. Số tiền lãi trả cho ông T1 mỗi tháng quá nhiều và vợ ông cứ hỏi ông Q nói mượn sổ đỏ mấy hôm sao lâu thế gần 02 tháng mà không thấy trả, ông nói chuyện với ông Q thì ngày 09/6/2025 ông Q chuyển cho ông số tiền 1.000.000.000 (*một tỷ*)

đồng và ông bỏ ra số tiền lãi hơn 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng trả cho ông T1 để lấy lại sổ đỏ. Sau đó, ông Q bảo ông là thế chấp sổ đỏ tại ngân hàng để vay vốn tiếp tục đầu tư. Nhưng khi ông nói ý định thế chấp sổ đỏ tại ngân hàng vay tiền cho ông Q đáo nợ ngân hàng thì vợ ông không đồng ý, bảo chỉ cho mượn sổ đỏ một lần thôi. Ông Q bảo ông về ly hôn vợ, chia tài sản thì vợ ông đã chuyển về nhà ngoại ở tổ dân phố N, phường N sinh sống. Vợ ông hoàn toàn không biết việc ông và ông Q cùng nhau đầu tư chung trên sàn giao dịch điện tử F. Tổng cộng số tiền ông và ông Q cùng bỏ tiền đầu tư chung trên sàn giao dịch điện tử F là khoảng 90.000 (chín mươi nghìn) đô la Mỹ tương đương khoảng 2.450.000.000 (*hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu*) đồng, trong đó ông Q đầu tư khoảng hơn 900.000.000 (*chín trăm triệu*) đồng, còn lại ông bỏ ra số tiền khoảng 1.550.000.000 (*một tỷ năm trăm năm mươi triệu*) đồng. Từ khi ông Q và ông bỏ tiền đầu tư chung trên sàn giao dịch điện tử F đến nay chưa lấy được lại bất kỳ số tiền nào từ tổng số tiền cùng đầu tư trên. Toàn bộ số tiền khoảng hơn 900.000.000 (*chín trăm triệu*) đồng mà ông Q chuyển cho ông cùng đầu tư chung và số tiền ông bỏ ra cùng đầu tư chung đến nay không thu hồi được. Ông không vay bất kỳ số tiền nào từ ông Q, giữa ông và ông Q không có việc vay mượn tiền. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q. Trường hợp, ông Q muốn nhận lại số tiền trong tài khoản đầu tư trên sàn giao dịch điện tử F thì ông sẽ đưa tài khoản đứng tên ông cho ông Q toàn quyền quản lý, sử dụng.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L trình bày:

Tháng 6/2025, vợ chồng bà được bồi thường 1.700.000.000 (*một tỷ bảy trăm triệu*) đồng đối với thửa đất của vợ chồng bà tại thôn K, xã K, thành phố Hải Phòng. Sau đó, ông Q có ý định vào thành phố Hồ Chí Minh để mua đất nhưng do anh Đoàn Đắc Q1 (là cháu của ông Q) đang cần tiền gấp để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã hỏi mượn tiền ông Q để chuộc về. Bà không biết việc ông Q cho anh Q1 mượn tiền do ông Q không nói chuyện với bà. Đến thời điểm hiện tại, ông Q có nói anh Q1 còn nợ 930.000.000 (*chín trăm ba mươi triệu*) đồng. Việc vay mượn giữa ông Q và anh Q1 không lập văn bản mà chỉ thực hiện qua việc chuyển khoản qua ngân hàng vì anh Q1 cũng là người quen và thời điểm cho vay tiền, ông Q cũng đang ở trong thành phố Hồ Chí Minh nên không tiện để lập văn bản cho vay mượn tiền. Ông Q đã nhiều lần yêu cầu anh Q1 trả lại 930.000.000 (*chín trăm ba mươi triệu*) đồng, tuy nhiên anh Q1 vẫn chưa trả. Do đó, ông Q có làm đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh Q1 trả lại số tiền đã vay và số tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bà ủy quyền cho chồng bà là ông Q tham gia tố tụng tại Tòa án thay cho bà vì công việc của bà rất bận, khó sắp xếp thời gian để đến Tòa án làm việc.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà đã được Toà án thông báo về nội dung vụ án. Bà không biết việc giữa ông Đoàn Đắc Q và chồng bà là ông Đoàn Đắc Q1 có quan hệ vay mượn tiền nong như thế nào. Bà không liên quan gì đến việc ông Q, anh Q1 làm ăn chung với nhau, cũng không liên quan gì đến vấn đề tiền bạc, vay mượn của ông Q và anh Q1. Bà khẳng định bà không có liên quan gì đến vụ án này, đề nghị Toà án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trường hợp, Toà án triệu tập bà đến làm việc hoặc tham gia phiên toà thì bà xin được vắng mặt.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đoàn Đắc Q1 có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giải quyết vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn ông Đoàn Đắc Q1 không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới làm căn cứ xét kháng cáo cho mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm đối với kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Đắc Q1:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Đắc Q1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

Về án phí: Bị đơn ông Đoàn Đắc Q1 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện:

[2] Nguyên đơn trình bày ngày 09/6/2025, nguyên đơn chuyển cho bị đơn vay số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng qua tài khoản ngân hàng và thoả thuận đến

ngày 12/6/2025, bị đơn sẽ trả lại cho nguyên đơn số tiền vay nợ trên. Vì vậy, xác định kể từ ngày 12/6/2025 là ngày mà nguyên đơn biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Ngày 03/10/2025, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện vụ án trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Ngày 09/6/2025, nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn 02 lần, lần một là 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng, lần hai là 800.000.000 (*tám trăm triệu*) đồng, tổng cộng là 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng từ tài khoản số 0031001033251, chủ tài khoản là ông Đoàn Đắc Q tại Ngân hàng TMCP N chi nhánh H đến tài khoản số 0031000142207, chủ tài khoản là ông Đoàn Đắc Q1 tại Ngân hàng TMCP N chi nhánh H. Theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự quy định về hình thức giao dịch dân sự “1. *Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể. Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản*”. Theo quy định tại Điều 117, Điều 275, Điều 357 và Điều 401 Bộ luật Dân sự, việc ông Q chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho ông Q1 là giao dịch dân sự, có hiệu lực kể từ ngày giao kết, ngày chuyển khoản, các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện đầy đủ cam kết của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn số tiền 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng để bị đơn chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn đã cầm cố cho người khác. Bị đơn đã chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng trả cho nguyên đơn một phần số tiền đã nhận chuyển khoản. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền còn lại 930.000.000 (*chín trăm ba mươi triệu*) đồng trong tài khoản ngân hàng của bị đơn là do nguyên đơn chuyển vào. Nguyên đơn trình bày số tiền trên là do nguyên đơn cho bị đơn vay để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cầm cố cho người khác. Bị đơn trình bày số tiền trên là do nguyên đơn chuyển cho bị đơn để trừ đi số tiền trước đó đã cùng đầu tư chung trên sàn giao dịch điện tử F. Hội đồng xét xử nhận thấy ngoài lời trình bày nêu trên, bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc nguyên đơn cùng sử dụng tài khoản cá nhân của bị đơn để cùng đầu tư chung trên sàn giao dịch điện tử F. Việc nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn số tiền 930.000.000 (*chín trăm ba mươi triệu*) đồng là có thực và bị đơn cũng đã thừa nhận việc nhận chuyển khoản số tiền trên qua tài khoản ngân hàng từ nguyên đơn. Khi nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn không thoả thuận việc trả lãi đối với số tiền đã chuyển cho bị đơn. Nguyên đơn trình bày bị đơn hứa hẹn đến ngày 12/6/2025 sẽ trả lại số tiền trên, mặc dù bị đơn không thừa nhận thời gian trả tiền nhưng nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ. Hợp đồng vay tài sản được giao kết giữa các bên là hợp đồng song vụ được thực hiện thông qua giao dịch điện tử quy định tại

khoản 1 Điều 402 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 1 Điều 410, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào Điều 164 Bộ luật Dân sự, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số nợ nêu trên là có căn cứ.

[4] Về số tiền nợ lãi: Tại phiên toà, nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc, xét thấy việc nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc trên là tự nguyện, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu đòi số tiền nợ lãi trên của nguyên đơn.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đoàn Đắc Q1 có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giải quyết vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn ông Đoàn Đắc Q1 không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới làm căn cứ cho HĐXX xem xét kháng cáo của mình.

Xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Đắc Q1; cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn ông Đoàn Đắc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 20.415.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004984 ngày 24 tháng 10 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Hải Phòng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 930.000.000 đồng cụ thể là: $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (930.000.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 39.900.000$ (Ba mươi chín triệu chín trăm nghìn) đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Đắc Q1 không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Q1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004181 ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Hải Phòng, ông Q1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 266, Điều 273; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, 274, 275, 280, 357, 401, 429, 463, 466, 468, 469 và 579 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Đắc Q1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Q:

1.1. Buộc bị đơn ông Đoàn Đắc Q1 phải trả cho nguyên đơn ông Đoàn Đắc Q số tiền vay nợ là 930.000.000 (*Chín trăm ba mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Q về việc: Buộc bị đơn ông Đoàn Đắc Q1 phải trả số tiền nợ lãi trên số tiền nợ gốc đã vay.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đoàn Đắc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 20.415.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004984 ngày 24 tháng 10 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Hải Phòng. Bị đơn ông Đoàn Đắc Q1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 39.900.000 (Ba mươi chín triệu chín trăm nghìn) đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đoàn Đắc Q1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng. Đối trừ với tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Q1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004181 ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Hải Phòng, ông Q1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 6 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang